

Phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Thái Lan và Malaysia: kinh nghiệm rút ra đối với Việt Nam

Phạm Thị Dung
Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng

Tóm tắt: Do chưa tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào nên xuất khẩu của Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào nước ngoài, chính điều này đã làm giảm tính chủ động và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường thế giới. Vì vậy, phát triển công nghiệp hỗ trợ sẽ giúp các doanh nghiệp lựa chọn được chiến lược phát triển phù hợp với chuỗi giá trị gia tăng của ngành trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Ngoài ra, đây cũng là cơ hội cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, đồng thời là nền tảng ban đầu để phát triển một nền công nghiệp tự chủ, hiện đại.

Từ khóa: công nghiệp hỗ trợ, Thái Lan, Malaysia, bài học

1. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Thái Lan

- Thu hút vốn đầu tư nước ngoài: Trong chiến lược phát triển công nghiệp hỗ trợ của Thái Lan, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là các công ty của Nhật Bản trong thập niên 1980. Nhờ những yếu tố ngoại sinh, Thái Lan đã đẩy mạnh tăng trưởng công nghiệp và chuyển dịch toàn diện cơ cấu kinh tế từ dựa vào nông nghiệp sang dựa vào công nghiệp chế tạo. Thái Lan thực hiện chính sách công nghiệp hóa dựa vào FDI theo hướng tiếp cận mở, không nặng về biện pháp hành chính; không quá kỳ vọng vào chế tạo sản phẩm mang thương hiệu quốc gia mà chú trọng thu hút nhiều nhà chế tạo nước ngoài và khuyến khích doanh nghiệp trong nước kết hợp chặt chẽ với họ để hấp thu kỹ năng và kiến thức. Dòng vốn của các công ty này đã tạo ra những mối liên kết kỹ thuật rất tốt và nhờ đó đã góp phần phát triển công nghệ cho các công ty chế tạo linh kiện của Thái Lan. Bên cạnh đó, các quyết định và hệ thống mua sắm của các công ty Nhật Bản, đặc biệt là các công ty sản xuất ô tô đã khuyến khích đáng kể hình thành liên doanh giữa các công ty nước ngoài và các công ty cung ứng địa phương trong công nghiệp hỗ trợ.

- Phát triển doanh nghiệp địa phương trong công nghiệp hỗ trợ: Thái Lan được coi là một trong những nước ASEAN tích cực nhất trong việc phát triển công nghiệp hỗ trợ. Quá trình phát triển chính sách công nghiệp hỗ trợ của Thái Lan có thể được chia thành 4 giai đoạn khác nhau: Giai đoạn thứ 1: khuyến khích và bảo hộ thị trường trong nước; Giai đoạn thứ 2: gắn với chính sách hợp lý hóa công nghiệp thông qua yêu cầu xuất xứ địa phương; Giai đoạn thứ 3 là chính sách khuyến khích xuất khẩu và tự do hóa từng phần; Giai đoạn thứ 4 gắn với kết thúc yêu cầu xuất xứ địa

phương. Kết hợp với các chính sách yêu cầu xuất xứ địa phương trong sản phẩm đã trở thành kênh chính kết nối các doanh nghiệp địa phương và tạo sức ép đối với họ trong mạng lưới sản xuất toàn cầu.

Bên cạnh các chính sách trực tiếp nhằm thúc đẩy quá trình phát triển công nghiệp hỗ trợ. Chính phủ Thái Lan còn có các chính sách quan trọng khác đó là phát triển các cụm công nghiệp ở các làng xã và thị trấn nhỏ. Chính sách này khuyến khích mỗi làng xã phát triển một sản phẩm chủ lực, chính phủ hỗ trợ các doanh nghiệp thông qua các hoạt động tư vấn và thảo luận giữa cộng đồng địa phương và chuyên gia về việc sử dụng lao động, cung ứng nguyên vật liệu, quá trình thiết kế và marketing.

- Xây dựng thể chế và cơ sở dữ liệu. Trong chiến lược phát triển công nghiệp hỗ trợ của Thái Lan, Chính phủ đã thành lập nhiều tổ chức ngành về công nghiệp hỗ trợ nhằm hỗ trợ kỹ thuật, thiết kế và phát triển các sản phẩm mẫu. Bên cạnh đó, các tổ chức này còn là cầu nối nhằm kết dính các doanh nghiệp trong nước với các nhà đầu tư nước ngoài.

Nhìn chung, chính sách công nghiệp của Thái Lan được định hướng theo thị trường mở, cho phép phát triển những dự án FDI khổng lồ, chấp nhận áp lực toàn cầu và coi đó là cơ hội để học hỏi và hoàn thiện chứ không phải là nguy cơ. Theo đó, mối quan tâm truyền thống trong xây dựng liên kết FDI nâng cao kỹ năng sản xuất chế tạo, xây dựng những cụm công nghiệp ô tô, điện và điện tử vốn đã lớn song vẫn tiếp tục được mở rộng sau nhiều thập kỷ phát triển; đây cũng là nhân tố thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp hỗ trợ ở giai đoạn sau. Có thể nói, thông qua các chính sách phát triển công nghiệp, Thái Lan đã phát triển thành công với một nền tảng công nghiệp hỗ trợ khá lớn mạnh. Nhiều nhà lắp ráp ô tô nước ngoài và nhà chế tạo linh

phụ kiện đã giúp đỡ các ngành công nghiệp hỗ trợ Thái Lan bằng cách cử chuyên gia của mình sang làm giảng viên và đào tạo, cung cấp máy móc và thiết bị, cấp học bổng và các khóa thực tập...v.v.. Bên cạnh sự hỗ trợ của khu vực tư nhân, Thái Lan cũng huy động ODA Nhật Bản để phát triển của các ngành công nghiệp của mình.

2. Phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Malaysia

- Phát triển vừa và nhỏ (SME) mà điển hình là chương trình phát triển các doanh nghiệp cung ứng, với mục đích là tạo ra một thị trường sản phẩm công nghiệp trong đó các SME có thể trở thành các nhà chế tạo và cung ứng đáng tin cậy đối với các doanh nghiệp lớn. Điểm nổi bật của chương trình này tạo ra một mối liên kết giữa một công ty lớn với công ty "mỏ neo" là công ty đứng đầu các mạng sản xuất, đây là công ty nhận trách nhiệm tổ chức mạng sản xuất, đưa ra các yêu cầu, chuẩn mực và hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương thành những công ty cung ứng trong mạng sản xuất của mình. Trong kết nối kinh doanh, Malaysia đã có 85 "doanh nghiệp mỏ neo" và 296 nhà cung cấp. Đáng lưu ý là, trên 54% "doanh nghiệp mỏ neo" là của Malaysia, 32,9% của Nhật Bản và nước Mỹ chỉ có 0,058%. Trong số các nhà cung cấp, 11% doanh nghiệp thuộc lĩnh vực rèn dập và gia công kim loại, 10% sản xuất linh kiện phụ tùng nhựa, 8,1% doanh nghiệp làm linh kiện và phụ tùng ô tô; riêng hãng Proton đã có trên 56 nhà cung cấp. Do cơ chế phối hợp tốt, thủ tục minh bạch và thực hiện rà soát thường xuyên, tối thiểu hóa được những rủi ro nên Malaysia có nhiều thành công trong hỗ trợ chủ động và toàn diện đối với những lĩnh vực ưu tiên phát triển. Bên cạnh việc phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, định hướng phát triển các cụm công nghiệp cũng được chính phủ Malaysia chú ý.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và trao đổi thông tin. Chính phủ đã đưa ra chương trình "Trao đổi Hợp đồng Thấu phụ" chương trình này cung cấp các cơ sở dữ liệu để giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ tìm hiểu và đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp lớn với tư cách là nhà cung ứng đầu vào công nghiệp. Cùng với chương trình trao đổi hợp đồng thấu phụ Malaysia còn tổ chức các hội chợ triển lãm dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời thực hiện các nghiên cứu về các phân đoạn thị trường và sản phẩm.

Bên cạnh đó, Chính phủ Malaysia đã áp dụng nhiều chính sách để phát triển công nghiệp hỗ trợ như ưu đãi thuế dành cho các nhà sản xuất chế tạo gồm giảm một phần hay toàn bộ thu nhập doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, miễn thuế nhập khẩu, thuế bán hàng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Ngoài ra, nước này còn áp dụng chế độ "tư cách tiên phong" cho doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp sẽ được hưởng 5 năm miễn 70% thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc chế độ trợ cấp thuế đầu tư bằng 60% chi phí vốn

hợp lệ. Tăng cường kết nối kinh doanh, xây dựng năng lực và hỗ trợ vốn nhà nước cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng là một trong những chiến lược cơ bản của Malaysia. Trong tầm nhìn đến năm 2020, Chính phủ có những thay đổi trong thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ, cụ thể hóa và mở rộng các biện pháp nhằm tăng cường năng lực cho các nhà cung cấp, đặc biệt trong ngành công nghiệp ô tô.

3. Bài học kinh nghiệm để phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam

Quá trình phát triển công nghiệp hỗ trợ của Thái Lan và Malaysia đã đạt được những thành tựu đáng kể. Bên cạnh đó, còn có những vấn đề tồn tại. Song những điều mà các quốc gia này đã làm được cũng không thể phủ nhận. Chính vì vậy, Việt Nam để rút ngắn con đường đi của mình trong tiến trình hội nhập và phát triển thì cần tận dụng những bài học mà các quốc gia đã để lại. Từ những kinh nghiệm trên, Việt Nam có thể rút ra một số bài học để phát triển công nghiệp hỗ trợ:

Thứ nhất: Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, một mặt thu hút vốn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất các linh phụ kiện mặt khác là các doanh nghiệp sản xuất thành phẩm ở thượng nguồn. Trong giai đoạn đầu các doanh nghiệp của Việt Nam có thể liên kết hàng ngang với các công ty sản xuất linh kiện đó là tiến hành hợp tác với các công ty để sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu của họ, sau đó dần dần tự tạo ra các sản phẩm độc đáo để chào hàng với các công ty đa quốc gia và cuối cùng là giai đoạn xây dựng thương hiệu và thoát khỏi sự phụ thuộc của các doanh nghiệp trong nước với các công ty đa quốc gia. Như vậy, để vừa thu hút vốn của các doanh nghiệp sản xuất linh kiện vừa thu hút vốn của các doanh nghiệp tại thượng nguồn thì Chính phủ cần đóng vai trò là chất xúc tác nhằm tạo dựng mối quan hệ giữa các doanh nghiệp.

Thứ hai: Đẩy mạnh liên kết giữa các công ty có vốn đầu tư nước ngoài với các doanh nghiệp trong nước. Kinh nghiệm của Thái Lan chỉ ra rằng sự liên kết chặt chẽ giữa các nhà cung cấp linh kiện với các nhà sản xuất đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ phát triển. Có thể nhận thấy rằng các doanh nghiệp Việt Nam sẽ không thể cạnh tranh được với các "người khổng lồ" trên thị trường quốc tế. Thay vì phải đối đầu cạnh tranh trực tiếp với họ, các doanh nghiệp Việt Nam nên hợp tác với các tập đoàn xuyên quốc gia để tranh thủ nâng cao năng lực và trở thành nhà cung cấp chính trong chuỗi giá trị toàn cầu của họ. Các công ty trong nước có thể đẩy mạnh liên kết với các công ty đa quốc gia ở cả hai mặt: liên kết hàng dọc và liên kết hàng ngang. Một mặt, các công ty trong nước phải nỗ lực để đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm sản xuất ra các linh phụ kiện có chất lượng đáp ứng yêu cầu của các công ty đa

quốc gia. Mặt khác, họ phải hợp tác với các công ty đa quốc gia để gia công các sản phẩm cho các công ty này, qua đó các công ty trong nước sẽ có điều kiện tiếp cận công nghệ và yêu cầu về chất lượng sản phẩm.

Ngoài sự nỗ lực của các doanh nghiệp thì Chính phủ cần đóng vai trò như là cầu nối giữa các doanh nghiệp, chính phủ cần giúp cho các doanh nghiệp xích lại gần nhau hơn thông qua các chương trình, các chính sách phát triển.

Thứ ba: Phát triển nguồn nhân lực. Nhân tố được coi là quan trọng nhất cho sự phát triển lâu dài của các ngành công nghiệp hỗ trợ là nguồn lao động có kỹ năng cao. Trong khi đó lại Việt Nam lại “thiếu” một lực lượng có trình độ từ trung cấp đến cao cấp, “thiếu” ở đây ám chỉ một lực lượng có trình độ đáp ứng các yêu cầu của công việc. Trong khi các doanh nghiệp cần một lực lượng lao động có trình độ thực hành thì các cơ sở đào tạo lại cung cấp một lực lượng lao động quá nặng về mặt lý thuyết. Vì vậy, đa số các lao động do các cơ sở đào tạo của ta cung cấp không thể đáp ứng yêu cầu công việc do các nhà tuyển dụng đề ra. Kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy rằng, để có một lực lượng lao động có trình độ cao cần có sự liên kết giữa doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo chẳng hạn như chương trình liên kết học đường — doanh nghiệp. Thông qua chương trình liên kết này sẽ thấy được nhu cầu của các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, để có một lực lượng lao động có trình độ cần có sự thay đổi từ chính các cơ sở đào tạo và các chính sách phát triển giáo dục của chính phủ. Một mặt, cần mở rộng các trường cao đẳng kỹ thuật và các trung tâm đào tạo nghề. Mặt khác, các trường cần xây dựng và cải cách chương trình đào tạo cho phù hợp với tình hình thực tế.

Thứ tư: Xây dựng cơ sở dữ liệu và trao đổi thông tin giữa Nhà nước và các doanh nghiệp. Bộ Công thương cần ban hành “cẩm nang” về công nghiệp hỗ trợ trong đó dự báo và cung cấp đầy đủ các thông tin về các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nhu cầu của họ về các sản phẩm, từ đó các doanh nghiệp Việt Nam có thể xây dựng các chính sách phát triển dựa trên nhu cầu của các doanh nghiệp tại thượng nguồn. Bên cạnh đó, Chính phủ cần xúc tiến giới thiệu với các doanh nghiệp lớn/Khách hàng chính; xác định được những khách hàng/ đối tác kinh doanh mới; được tham gia những cuộc chấp mồi kinh doanh với nhiều doanh nghiệp /Khách hàng lớn. Ngoài ra, họ còn được đánh giá khách quan tình hình doanh nghiệp của mình so với các doanh nghiệp trong cùng ngành, có liên hệ với những thực tiễn quốc tế; được hỗ trợ nâng cao năng lực/ kỹ năng để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp lớn/ Khách hàng.

Bên cạnh các công cụ gián tiếp, Chính phủ cần ban hành các qui định yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất đã đầu tư vào Việt Nam cần kê khai và công bố

nhu cầu về các sản phẩm phụ mà các doanh nghiệp đã và đang tìm kiếm nhà thầu phụ, qua đó giúp các doanh nghiệp trong nước tiếp cận với các nhà sản xuất.

Thứ năm: Thúc đẩy và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhỏ song song với các doanh nghiệp lớn giữ vai trò chủ đạo.

Kinh nghiệm của các quốc gia cho thấy rằng các doanh nghiệp lớn có vai trò quan trọng trong việc phát triển các mạng lưới cung cấp cho họ. Việc tồn tại các doanh nghiệp lớn cùng với các cam kết của họ (bắt buộc hoặc không bắt buộc từ phía Chính phủ) là nền tảng cho sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ và vừa, những thành phần chính của công nghiệp hỗ trợ.

Bên cạnh các doanh nghiệp lớn giữ vai trò chủ đạo như là hạt nhân thì cần phát triển các doanh nghiệp vệ tinh xung quanh hạt nhân đó. Tại Việt Nam, trong những năm gần đây với sự nở rộ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong hầu hết các lĩnh vực đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ còn các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành cung cấp linh kiện thì rất ít. Chính vì thế để các doanh nghiệp phát triển cần được chính phủ ủng hộ một cách mạnh mẽ đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành cung cấp các linh kiện cho các doanh nghiệp tại thượng nguồn. Các doanh nghiệp cần được đảm bảo một thị trường để phát triển mạnh hơn đồng thời các doanh nghiệp này cần có các chính sách ưu đãi về thuế và các chính sách vay vốn với lãi suất ưu đãi để các doanh nghiệp có điều kiện phát triển. Đồng thời chính phủ cần đóng một vai trò quan trọng làm cầu nối giữa các doanh nghiệp tại thượng nguồn và các doanh nghiệp nhỏ và vừa./.

Tài liệu tham khảo

Hoàng Văn Châu (2010). Chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam, NXB Thông tin và Truyền thông

Trần Văn Thọ (2005). Biến động kinh tế Đông Á và con đường công nghiệp hóa Việt Nam, NXB Chính trị Quốc gia.

Kenichi Ohno (2006). Hoạch định chính sách Công nghiệp ở Thái Lan, Malaysia và Nhật Bản_ bài học kinh nghiệm cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam, NXB Lao động xã hội.

Kyoshiro Ichikawa (2004). Báo cáo điều tra: Xây dựng và tăng cường ngành công nghiệp phụ trợ tại Việt Nam,

Diễn đàn phát triển Việt Nam VDF (2004). Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam dưới góc nhìn của các nhà sản xuất Nhật Bản.

Nguyễn Thị Xuân Thủy (2006). Công nghiệp hỗ trợ: Tổng quan về khái niệm và sự phát triển.